

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HSST
Ngày: 15-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn H

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Minh Ch

2/ Ông Hồ Xuân D.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Lê Đình D –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lưu Công Q – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019, đối với các bị cáo:

Họ và tên bị cáo thứ nhất: Nguyễn Hồ Ngọc Tr sinh ngày 09/11/1999 tại huyện K, tỉnh G; nơi cư trú: Thôn 5, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha không khác định, mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc K sinh năm 1983; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/4/2019 chuyển tạm giam từ ngày 09/4/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

Họ và tên bị cáo thứ hai: Lê Văn B sinh ngày 19/02/1997 tại huyện K, tỉnh G; nơi cư trú: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V sinh năm 1945 và bà Trần Thị H sinh năm 1949; vợ Nguyễn Thị Huyền M sinh năm 2000; con: có 01 người sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/4/2019 chuyển tạm giam từ ngày 09/4/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa

*** Người làm chứng:**

- Chị Lâm Thị Mỹ Tr, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 34/28 đường Quang Trung, phường B, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt;

- Ông Võ Ngọc Q, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 132 Hàm Nghi, phường B, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt;

- Ông Bùi Văn D, sinh năm 1962; nơi cư trú: Khu vực L, phường B, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 05/4/2019, Nguyễn Ngọc Hồ Tr và Lê Văn B nhận điện thoại một người tên Mai (không rõ lai lịch cụ thể) rủ Tr và B xuống thị trấn D, huyện T, tỉnh B chơi và dự sinh nhật vào tối ngày 06/4/2019. Sáng ngày 06/4/2019, Tr mượn xe mô tô hiệu Exciter, biển kiểm soát 92B1-38460 của bạn là Dương Xuân B để đi Q. Trưa cùng ngày, Tr điều khiển xe mô tô 92B1-38460 chở B từ huyện K, tỉnh G đến thị trấn D, huyện T, tỉnh B. Khoảng 16 giờ cùng ngày đến nơi, Tr, B được một người dẫn đến một ngôi nhà (không rõ địa chỉ). Trong nhà có Mai và một số thanh niên lạ mặt. Khi thấy Tr và B thì số thanh niên này bỏ đi. B đi tắm còn Tr ngồi nói chuyện với Mai. Mai lấy một gói ma túy đưa cho Tr và nói Tr và B đến giao gói ma túy này cho một người tại phòng 103 khách sạn Gia Lâm 2 ở phường B, thị xã A rồi mang tiền về cho Mai. Mai lấy khẩu trang y tế màu xanh cuộn gói ma túy rồi đưa cho Tr, sau đó Mai đi khỏi nhà. Tr đợi B tắm xong và nói với B về yêu cầu của Mai thì B đồng ý. Tr điều khiển xe và đưa gói ma túy cho B cầm, khi đến khách sạn Gia Lâm 2, B đưa lại gói ma túy cho Tr rồi cả hai lấy chìa khóa phòng 103 để lên phòng. Khi vào phòng 103 Tr lấy gói ma túy bỏ lên giường rồi đợi người đến nhận. Trong lúc ngồi đợi thì bị Công an thị xã A phát hiện và lập biên bản, niêm phong tang vật.

Kết luận giám định số 86/PC09 ngày 08/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B xác định các hạt tinh thể không màu bên trong bì ni lông kích thước (6,5 x 9)cm ghi thu tại phòng 103, khách sạn Gia Lâm 2, ở phường Bình Định, thị xã An Nhơn là ma túy, có khối lượng 4,4988 gam, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục được ban hành kèm theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A trả xe mô tô biển kiểm soát 92B1-384.60 cho chị Dương Thị Quỳnh Ng; Vỏ bao bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định; 3,9160 gam mẫu A còn lại sau giám định (đựng trong một bì thư dán kín niêm phong ba dấu tròn “Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B).

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSAN ngày 09/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr, Lê Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr, Lê Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; Bị cáo Lê Văn B 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên tịch thu, tiêu hủy: Vô bao bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định; 3,9160 gam mẫu A còn lại sau giám định

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr, Lê Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr và bị cáo Lê Văn B khai nhận: Hai bị cáo nhận thức được gói của người tên Mai (không rõ nhân thân) đưa là ma túy nhưng vì cả nể nên vào ngày 06/4/2019 Tr và B đã đồng ý mang 4,4988 gam Methamphetamine đến khách sạn Gia Lâm 2 ở phường B, thị xã A để giao cho người khác. Trong lúc chờ người đến nhận thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A kiểm tra phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ tang vật. Tại Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B xác định: Các hạt tinh thể không màu bên trong bì ni lông kích thước (6,5 x 9)cm ghi thu tại phòng 103, khách sạn Gia Lâm 2 ở phường B, thị xã A là ma túy, có khối lượng 4,4988 gam, loại Methamphetamine. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai

của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr, Lê Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr, Lê Văn B là công dân đã trưởng thành, đủ nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, có trình độ văn hóa nhất định nên nhận thức được tác hại của ma túy, biết pháp luật nghiêm cấm đối với hành vi tàng trữ trái phép ma túy dưới mọi hình thức nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trị an tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr và Lê Văn B đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tiến hành xác minh đối tượng tên Mai người đã đưa ma túy cho Trường và B đến khách sạn Gia Lâm 2 để giao cho một người khác nhưng chưa giao được thì bị bắt quả tang. Quá trình điều tra không xác định được lý lịch, địa chỉ cư trú của đối tượng Mai và người hẹn nhận ma túy nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đang tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Vô bao bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định; 3,9160 gam mẫu A còn lại sau giám định (đựng trong một bì thư dán kín niêm phong ba dấu tròn “Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B)

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr, Lê Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr, Lê Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/4/2019.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn B 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/4/2019.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 bì thư dán kín có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, bên ngoài ghi 3,9160 gam mẫu A còn lại sau giám định;

- 01 vỏ bao bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định;

* Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc Hồ Tr, Lê Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B(để b/c);
- VKSND thị xã A;
- Các Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn H